TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 02 - 02 - 2023
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Hồng Ân.

2. Ông Trần Hoàng Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 02 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 377/2022/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 11 năm 2022, về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 246/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1963 (xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn X, sinh năm 1963 (vắng mặt).

Cùng cư trú: Ấp T, xã T, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/11/2022 cùng các văn bản khác kèm theo và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H trình bày:

Về hôn nhân, vào năm 2079 bà và ông Lê Văn X chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu cuộc sống đầm ấm, hạnh phúc nhưng về sau phát sinh mâu thuẫn, thường bất đồng quan điểm. Nhận thấy hôn nhân không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt nên bà yêu cầu ly hôn với ông Lê Văn X. Về con chung có 04

người tên là Lê Văn L (giới tính nam) sinh ngày 01/01/1980, Lê Kim C (giới tính nữ) sinh ngày 01/01/1982, Lê Mộng T (giới tính nữ) sinh năm 1985 và Lê Chí T (giới tính nam) sinh ngày 01/01/1988. Hiện con chung đều trưởng thành có khả năng tự lao động sinh sống nên không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Lê Văn X đã được triệp tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, đồng thời không cung cấp lời khai chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về tố tụng:* Bà Nguyễn Thị H yêu cầu ly hôn với ông Lê Văn X nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Nguyễn Thị H xin vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 để xét xử vắng mặt. Ông Lê Văn X vắng mặt nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt.

[2]. *Xét về hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị H và ông Lê Văn X chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1979 nhưng không có đăng ký kết hôn. Tuy nhiên thời gian này theo quy định của pháp luật thì hôn nhân của bà Hận và ông Xê được xác định là hôn nhân thực tế, được pháp luật công nhận là vợ chồng. Quá trình chung thời gian đầu cuộc sống đầm ấm, hạnh phúc, dần về sau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn mà không thể tự hòa giải, hàn gắn. Nhận thấy hôn nhân không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt nên bà Nguyễn Thị H yêu cầu ly hôn với ông Lê Văn X. Ông Lê Văn X đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, đồng thời không cung cấp lời khai chứng cứ cho Tòa án xem xét, cho thấy ông Lê Văn X không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị H và ông Lê Văn X đã và đang trầm trọng, bà Nguyễn Thị H cương quyết yêu cầu ly hôn. Do đó, việc bà Nguyễn Thị H yêu cầu ly hôn với ông Lê Văn X là có căn cứ để chấp nhận.

[3]. *Về con chung:* Có 04 người tên là Lê Văn L (giới tính nam) sinh ngày 01/01/1980, Lê Kim C (giới tính nữ) sinh ngày 01/01/1982, Lê Mộng T (giới tính nữ) sinh năm 1985 và Lê Chí T (giới tính nam) sinh ngày 01/01/1988. Hiện con chung đều trưởng thành có khả năng tự lao động sinh sống nên không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4]. *Về tài sản chung:* Bà Nguyễn Thị H yêu cầu được tự thỏa thuận, không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5]. *Về nợ chung:* Bà Nguyễn Thị H xác định không có, đồng thời không có yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[6]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Nguyễn Thị H phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 cùng của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị H ly hôn với ông Lê Văn X.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Bà Nguyễn Thị H đã nộp xong tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018394, ngày 22 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, nay chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Phòng KTNV&THA (TAND tỉnh Cà Mau);
- Chi cục THADS (khi có hiệu lực);
- UBND xã T, huyện P, tỉnh C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Phước